

## BIA CHÍ - NGUỒN SỬ LIỆU QUÝ CẦN GÌN GIỮ Ở LĂNG ÔNG BIÊN HÒA (ĐỒNG NAI)

PHẠM ĐỨC MẠNH(\*) - NGUYỄN CHIẾN THẮNG(\*\*)

Quần thể mộ gia tộc lớn nhất Biên Hòa hiện hữu là của Đại học sĩ triều Minh Mạng Trịnh Hoài Đức (1765-1825) và quyền thuộc được dân sở tại tôn kính gọi là “Lăng Ông”. Mới đây, nhóm nghiên cứu lịch sử văn hóa Nam Bộ (Trường Đại học KHXH & Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh) đã phối hợp cùng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai tiến hành phúc tra toàn bộ di sản quý giá này nhằm đính chính nhiều thông số sai lạc qua các công bố khác nhau từ 1995 đến nay (2013). Ở bài này, chúng tôi chỉ giới thiệu kỹ về những tấm bia quý cần khẩn cấp bảo tồn nguyên trạng ở Lăng Ông.

### A. VÀI NÉT VỀ DANH NHÂN



TRÌNH HOÀI ĐỨC (ƯƠNG ĐÔNG VĂN MIÊU TRẦN BIÊN HÒA)  
[http://vivalib.edu.org/wiki/T%E1%BA%ADp\\_nic:Trinh\\_Hoi\\_Duc.JPG](http://vivalib.edu.org/wiki/T%E1%BA%ADp_nic:Trinh_Hoi_Duc.JPG)

Trịnh Hoài Đức (鄭懷德), còn có tên là An (安), tự Chi Sơn (止山), hiệu Cán Trai (艮齋), sinh năm Ất Dậu (1765). Từ đời ông nội Trịnh Hội (Sur Khổng) chạy loạn nhà Thanh sang xin chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) cư ngụ đất Trấn Biên (Biên Hòa). Khi cha Trịnh Khánh mất, ông theo mẹ về sống ở Phiên Trấn (Phiên An - Gia Định) (1776), được theo học Gia Định Xử sĩ Sùng Đức tiên sinh Võ Trường Toản, kết thân đồng song Lê Quang Định và Ngô Nhân Tịnh và cùng lập “Bình Dương thi xã” được liệt hàng “Gia Định tam gia thi” của miền Nam.

Khi Nguyễn Ánh lấy được Gia Định (1788), ông và Lê Quang Định ứng thi cùng đậu, được bổ làm quan dưới cả 2 triều Gia Long (1802-1820) và Minh Mạng (1820-1840), từng là Đông cung Thị giảng (thầy dạy Hoàng tử Cảnh) (1793), Chánh sứ cùng Binh bộ Tham tri Ngô Nhân Tịnh, Binh bộ Tham tri Huỳnh Ngọc Uyển sang đi sứ nhà Thanh

(\*) PGS.TS, Trường Đại học KHXH & Nhân văn ĐHQG - Tp. Hồ Chí Minh.

(\*\*) Trường Đại học KHXH & Nhân văn - ĐHQG - Tp. Hồ Chí Minh.

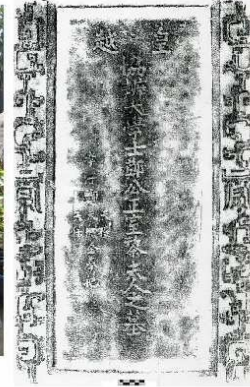
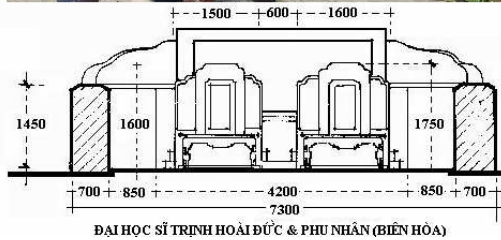
(1802), khi về nộp cho triều Nguyễn 2 bộ sách *Lịch đại kỷ nguyên* và *Khang tế lục*. Ông cũng được giao nhiều trọng trách (Hàn lâm viện, Điều thuận huyện Tân Bình, Ký lục Trấn Dinh - Mỹ Tho, Hiệp Tổng trấn Gia Định, Chánh chủ khảo khoa thi Hội, Phó tổng Quốc tử giám, Hiệp biện Đại học sĩ, Thượng thư các Bộ Hộ, Bộ Lễ, Bộ Lại, Bộ Binh) và là tác gia nhiều bộ sách giá trị như *Gia Định tam gia thi tập*, *Thoái thực trung biên tập*, *Quan quang tập*, *Khả dĩ tập*, *Tự truyện*, *Bắc sử thi tập*, *Cán Trai thi tập* (1782-1818) (5 phần có cả tập: *Minh Bội di ngư* nói về Mạc Thiên Tích chống nhà Mãn Thanh chạy sang Việt Nam và về văn đàn “Chiêu Anh Các” Hà Tiên); Đặc biệt là *Gia Định thành thông chí* (1805-1820) ghi chép sự kiện đến hết đời Gia Long (6 quyển: *Tinh dã chí*; *Sơn xuyên chí*; *Cương vực chí*; *Phong tục chí*; *Sản vật chí*; *Thành trì chí*) - một trong những bộ địa dư chí quan trọng bậc nhất của miền Nam nước ta thế kỷ XVIII. *Đại Nam liệt truyện* chép: Đức là người cẩn thận, phong độ, trầm tĩnh, nghiêm chỉnh, học vấn rộng rãi, nghị luận thường giữ đại thể. Đức nghiệp văn chương, đời phải tôn trọng sách của Đức làm có *Gia Định thành thông chí* (1805-1820), *Cán Trai thi tập* (1782-1818), *Bắc sử thi tập*, *Gia Định tam gia thi tập* lưu hành ở đời (*Quốc sử quán triều Nguyễn*, 2005; *Trịnh Hoài Đức*, 1972). Vào cuối đời, khi làm Tổng tài sửa xong bộ *Ngọc điệp tôn phổ* và quyền Lãnh thượng Bác sự vụ (1824), ông bệnh nặng mất tại Huế hưởng thọ 61 tuổi (tháng 3 Ất Dậu - 1825). Vua Minh Mạng cho bãi triều 3 ngày, truy tặng ông Thiếu bảo Cần chánh điện Đại học sĩ và ban tên thụy là Văn Khúc. Linh vị ông được thờ

ở miếu Trung Hưng công thần (1852) và ở điện Hiến Trung (1852). Linh cửu của ông được đưa về Trấn Biên an táng, vua sai các vị đại thần thay mình tế 1 tuần rượu, có 400 quần thần đi hộ tống và phái hoàng thân Miên Hoàng đại diện vua đi đưa để ban lễ vật cho gia quyến và đọc đạo ngự điều văn. Hiện mộ ông chôn chính quê mẹ Bình Trục (sau gọi là làng Bình Trước, quận Châu Thành; nay thuộc phường Trung Dũng thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai) - nơi ông đã sinh ra và trải qua thơ ấu là học trò Sùng Đức Võ Tiên sinh.

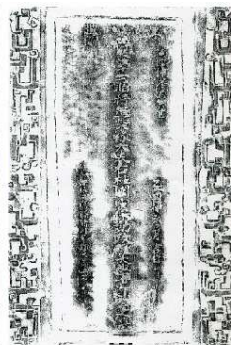
## B. DI TÍCH LĂNG TẨM & HIỆN TRẠNG BIA MỘ

Toàn bộ khu mộ họ Trịnh (tọa độ: B: 10°57'13" - Đ: 106°49'18") nằm trên khu đất rộng trên 3ha, hiện còn lưu giữ “tại chỗ” (in situ) 12 di tích bằng đá ong tô vôi hợp chất cổ thuộc các kiểu thức đơn táng (6 mộ) và song táng (3 mộ), với một số bia mộ còn chất liệu và trang trí nguyên thủy, chưa hoặc ít bị tô vẽ đời sau như ở nhiều di sản mộ cổ Nam Bộ khác (*Phạm Đức Mạnh*, 2001).

**1. Mộ song táng Trịnh Hoài Đức và phu nhân:** thiết kế bình đồ chữ nhật (13x10m) có uynh thành bao quanh với 3 cặp trụ biểu chữ Kim (金) và trụ sen chân công chạm các câu đối Hán tự, có bình phong tiền đắp nổi đề án Long Mã trong cảnh vân mây sóng nước và hậu chằm trang trí đầu rồng khắc chạm bài minh Hán tự (đã bị mờ nhiều). Chánh mộ gồm 2 mui luyện hình voi phục (432x157x135cm và 430x154x130cm), với bệ thờ chân quý gắn bia trong khung trang trí hồi văn và biểu tượng âm dương, mặt hướng nam (chéch tây 37°).



HOÀNG VIỆT, HIỆP BIỆN ĐẠI HỌC SĨ TRỊNH CÔNG CHÁNH THẮT LÊ PHU NHÂN CHI MỘ  
 皇越 越皇協辦大學士鄭公正室黎夫人之墓  
 (Hiếu tử Trịnh Thiên Lễ, Trịnh Thiên Nhiên, Trịnh Thiên Bảo đồng phụng tự)  
 (孝子鄭天禮, 天然, 天保全奉祀)



HOÀNG VIỆT, HIỆP BIỆN ĐẠI HỌC SĨ TẶNG ĐẶC TIẾN VINH LỘC ĐẠI PHU HỮU TRỤ QUỐC THẤU BẢO CẢN CHÁNH ĐIỆN ĐẠI HỌC SĨ TRỊNH CÔNG CHI MỘ  
 (皇越 協辦大學士贈特進榮祿大夫右柱國少保勤政殿大學士鄭公之墓)  
 (Ất Dậu trọng đông nguyệt cát nhật, Hiếu tử Hàn lâm viện Biện tu Trịnh Xuyên tử Trịnh Thiên Nhiên lập thạch)  
 (乙酉仲冬月吉日, 孝子翰林院弁須程川子鄭天然立石)

Bia mộ Ông (tả) làm bằng đá tuf-fezit (khô 55x100cm), phối trí Hán tự như sau:

Hoàng Việt (皇越) (đại tự hàng ngang trên cùng, đọc từ phải sang trái). “Hiệp biện Đại học sĩ, tặng Đặc tiến vinh lộc đại phu, Hữu trụ quốc Thấu bảo cản chánh điện Đại học sĩ Trịnh công chi mộ (協辦大學士贈特進榮祿大夫右柱國少保勤政殿大學士鄭公之墓)” (đại tự hàng dọc chính giữa, đọc từ trên xuống dưới). “Ất Dậu, trọng Đông nguyệt cát nhật (乙酉仲冬月吉日)” (tiểu tự hàng dọc bên phải). “Hiếu tử Hàn lâm viện Biện tu Trịnh Xuyên tử Trịnh Thiên Nhiên lập thạch (孝子翰林院弁須程川子鄭天然立石)” (tiểu tự hàng dọc bên trái). Dịch nghĩa: “Mộ Hữu trụ quốc Thấu bảo Cản chánh điện Hiệp biện Đại học sĩ Trịnh Công, nước Hoàng Việt. Con có hiếu Hàn lâm viện Biện tu Trịnh Xuyên tử Trịnh Thiên Nhiên lập bia, ngày lành tháng 11 năm Ất Dậu” (1825).

Bia mộ Bà làm bằng đá diorit (50x100cm), phối trí chữ Hán kiểu trên nhưng chỉ có 1 hàng ngang (đại tự) và 2 hàng dọc chính giữa (đại tự) và bên trái (tiểu tự), với nội dung: Hoàng Việt (皇越). “Hiệp biện Đại học sĩ Trịnh công chánh thắt Lê phu nhân chi mộ (協辦大學士鄭公正室黎夫人之墓)”. “Hiếu tử Trịnh Thiên Lễ, Thiên Nhiên, Thiên Bảo đồng phụng tự (孝子鄭天禮, 天然, 天保全奉祀)”. Dịch nghĩa: “Mộ chánh thắt phu nhân Hiệp biện Đại học sĩ Trịnh công họ Lê, nước Hoàng Việt. Các con có hiếu Trịnh Thiên Lễ, Trịnh Thiên Nhiên, Trịnh Thiên Bảo cùng thờ phụng.

## 2. Các mộ địa Trịnh gia khác:

Trong 8 di tích nằm hai bên lăng tằm ông bà Trịnh Hoài Đức, tất cả đều chung

hướng Nam (lệch Tây 10<sup>0</sup>-50<sup>0</sup>), nhưng chỉ còn 2 mộ song táng (ký hiệu: M7a-b và M8a-b) lưu giữ gần nguyên hình cấu trúc dương phần trên nền móng hợp chất cốt đá ong cổ với các thành phần kiến trúc truyền thống ở Nam Bộ.

Ở Mộ **M7a-b**, thiết kế kiểu “phương thành” hình chữ nhật vuông còn nguyên

bình phong tiền đắp nổi phù điêu “Long Mã phụ hà đồ”, 2 cặp trụ biểu chữ Kim và búp sen, hậu chẩm thiết kế dạng cuốn thư trên đế chân quỳ ghi bài phú Hán tự mờ chữ. Mui luyện dạng “ngưu miên” (trâu ngủ) (221x134cm, cao 136cm) nổi bàn thờ chân quỳ gắn bia (50x85cm).



**BIA TẢ:** CÁO THỤ TRIỀU LIỆT ĐẠI PHU TÁN TRỊ THIẾU Y LÃNH CÔNG BỘ LANG TRUNG TRỊNH PHỦ THỤY ĐOAN LƯỢNG CHI MỘ  
(大南 誥豎朝列大夫散治少醫領功部郎中鄭府誼端輜之墓)  
(Tự Đức Bình ty niên trọng đông, Hiếu nữ Thị Minh lập thạch) (嗣德丙子年仲冬 孝女氏明立石)  
**BIA HỮU:** CÔNG BỘ LANG TRUNG TRỊNH PHỦ CHÍNH THẤT TÍNH TRƯỞNG HUY PHÚC THỤY VIẾT CUNG NHÂN CHIMỘ  
(工部郎中鄭府正室姓張諱福諡曰燕人之墓)  
(Tốt vu, Ất ty niên thập nhất nguyệt nhĩ thập nhất nhật, Ngoại tôn Trương Gia Dương lập chí)  
(卒于乙巳年, 十月二十一日 外孫張嘉洋立誌)

Bia bên tả có khung mép viền quanh trang trí hình rồng, giữa khắc nội dung: Đại Nam (大南). “Cáo thụ triều liệt Đại phu Tán trị Thiếu y Lãnh Công bộ Lang trung Trịnh Phủ thụy Đoan Lượng chi mộ” (誥豎朝列大夫散治少醫領功部郎中鄭府誼端輜之墓). “Tự Đức Bình Tý niên

trọng đông” (嗣德丙子年仲冬). “Hiếu nữ Thị Minh lập thạch” (孝女氏明立石). Dịch nghĩa: “Mộ cha Đại phu tên thụy Đoan Lượng là Tán trị Thiếu y Lãnh Công bộ Lang trung Trịnh Phủ, nước Đại Nam, mất tháng 11 năm Bính Tý triều Tự Đức” (1876), con gái Thị Minh lập bia).



ĐN-BH-P.TD-MSa-b: BIA HỮU (MỘ BÀ)  
(BIA TẢ - MỘ ÔNG BỊ GỖ MÁT)

Bia bên hữu không trang trí rìa mép, giữa khắc Hán tự nội dung: Đại Nam (大南). “Công bộ Lang trung Trịnh Phủ chánh thất tính Trương húy Phúc thụ Viết cung nhân chi mộ (工部郎中鄭府正室姓張諱福諡曰恭人之墓)”. “Tốt vu, Ất Tỵ niên thập nhất nguyệt nhị thập nhất nhật (卒于乙巳年十月二十一日)”. “Ngoại tôn Trương Gia Dương lập chí (外孫張嘉洋立誌)”. Dịch nghĩa: “Mộ bà Cung Nhân họ Trương húy Phúc tên thụ Viết là vợ cả Công bộ Lang trung Trịnh Phủ, nước Đại Nam, mất ngày 21/10 năm Ất Tỵ (1845), cháu ngoại Trương Gia Dương lập bia).

Ở mộ M8a-b, kiến trúc kiểu “viên thành”, bình phong tiền và phần nữ tường bên phải bị sụp đổ, chỉ còn 1 trụ chữ Kim, 1 trụ sen, với 2 mũi luyện hình “ngưu miên” (174 x 136cm, cao 105cm) nối liền với ban thờ gắn bia. Bia tả đã bị gỡ mất, còn bia hữu (40 x 80cm) bằng đá trắng vân đẹp, khắc nội dung: “Hoàng Việt (皇越)”. “Hiển linh Trịnh môn phối thất Đoan cung Hoàng phu nhân chi mộ (顯靈贈門配室端恭黃夫人之墓)”. “Quý Dậu, trọng đông, cát đán (癸酉仲冬吉旦)”. Dịch nghĩa: “Mộ Đoan cung Hoàng phu nhân họ Trịnh, ngày lành tháng 11 năm Quý Dậu” (1813 hoặc 1873?).

Ở 6 mộ khác đều bị lấn chiếm xây mới làm mất hết bờ bao, trụ biểu, bình phong và hậu chẩm, thường chỉ còn diện tích cỡ 320-560 x 250-312cm, với năm (mũi luyện) hình chữ nhật (260x55cm) hay “ngưu miên” (290x160cm, cao 120cm). Có mộ đã bị gỡ mất bia, có mộ còn bia nguyên thủy bằng hợp chất nhưng chữ rất mờ. Chỉ có 4 bia đá trắng gắn trong khung viền để tron hay có trang trí đắp

nổi rồng mây, dây lá cách điệu còn đọc rõ Hán tự. Cụ thể, bia ở mộ M3: “Trịnh công thứ thất Nguyễn thị chi mộ (鄭公次室阮氏之墓)”. (Dịch nghĩa: “Mộ vợ thứ Trịnh Công họ Nguyễn”). Bia (45x90cm) ở mộ M4: “Hiển khảo An Mỹ bá tính Trịnh thụ Hôi Đôn hậu Phủ quân chi mộ (顯考安美伯姓鄭諡回敦厚府君之墓)”. “Đinh Sửu niên trọng hạ cát (丁丑仲夏吉)”. “Tôn nữ Thị Minh lập thạch (孫女氏明立石)”. (Dịch nghĩa: “Mộ cha An Mỹ bá Đôn hậu Phủ quân họ Trịnh thụ Hôi, cháu gái Thị Minh lập thạch tháng 5 năm Đinh Sửu” (1877?). Bia (20x60cm) ở mộ M5: “Trịnh Xử sĩ chi mộ (鄭處士之墓)”. “Đinh Mão niên (丁卯年)”. “Tử Đạo Tường lập (子道祥立)” (Dịch nghĩa: “Mộ Trịnh Xử sĩ, con Đạo Tường lập bia năm Đinh Mão” (1867?). Bia (15x50cm) ở mộ M6: “Trịnh công thứ thất Trần thị chi mộ (鄭公次室陳之墓)”. (Dịch nghĩa: “Mộ bà họ Trần là vợ thứ Trịnh Công”).

### C. ĐỐI ĐIỀU NHẬN THỨC VÀ KIẾN NGHỊ

1. Về cơ bản, mộ táng Trịnh gia còn lưu giữ “tại chỗ” (in situ) 9 di tích thuộc các kiểu thức đơn táng (6 di tích) và song táng (3 di tích). Các mộ song táng thường phối trí theo cổ truyền “tả nam - hữu nữ” là mộ cụ ông và người vợ chính. Trong đó, 2 di tích song táng còn bia mộ ghi Quốc hiệu là mộ Đại học sĩ Trịnh Hoài Đức (1765-1825) và chánh thất phu nhân họ Lê (Quốc hiệu: “Hoàng Việt” thời Nguyễn Thánh Tổ Phúc Đảm Minh Mạng 1820-1840); mộ Trịnh môn phối thất Đoan cung Hoàng phu nhân (Quốc hiệu “Hoàng Việt”); mộ Lãnh Công bộ Lang trung Trịnh Phủ Đoan

Lượng (1876) và Chánh thất Trương Phúc thụ viết Cung nhân (1877) (Quốc hiệu: “Đại Nam” thời Nguyễn Dực Tông Hồng Nhiệm Tự Đức 1848-1883).

2. Các mộ đơn táng còn bia đọc được đều thuộc Trịnh gia như: “Trịnh công thứ thất phu nhân họ Nguyễn”; Trịnh Xử sĩ; Trịnh Hồi Đôn Hậu phủ quân và thứ thất Trần thị, hình thành 3 tuyến chạy dài từ phần gò cao nhìn xuống hồ Biên Hùng và đoán theo thứ tự sắp xếp họ tộc các mộ theo trục hướng tây có thể quan hệ cùng thời (thứ thất, thúc bá huynh đệ) và các mộ theo trục Đông Nam có thể thuộc thế hệ cháu chắt của Đại học sĩ Trịnh Hoài Đức. Tuy nhiên, do lối viết kiểu Việt truyền thống trên bia mộ (ghi niên tạo, niên lập, niên sanh, niên tử lối can chi: 丁丑 (Đinh Sửu), 丁卯 (Đinh Mão), 乙巳 (“Át tý”), 乙酉 (Át Dậu), 癸酉 (Quý Dậu), nên cần dò gia phả Trịnh gia mới rõ niên đại chính xác của từng di sản; ngoại trừ mộ Lãnh Công bộ Lang trung Trịnh Phủ Đoan Lượng (ghi: 嗣德丙子年仲冬 (Tự Đức Bình Tý niên trọng đông) mới thật rõ niên tử: tháng 11/1876).

3. Nhìn chung, có thể thấy rõ rằng: toàn bộ di tích lăng tẩm Biên Hùng chỉ hình thành sau khi Đại học sĩ Trịnh Hoài Đức mất (1825), luật can chi trên các bia mộ có thể dò tìm từ đây. Cả quần thể lăng tẩm Trịnh gia kiến thiết theo trục chính Tây Bắc - Đông Nam, đầu mộ hướng Bắc nơi cao nhất, chân mộ đều hướng Nam xuống thấp phía hồ Biên Hùng - đặc điểm nổi trội ghi nhận phong thủy âm phần và quan niệm hướng mộ cổ truyền trong nghĩa trang chung dòng họ. Mà “một lượng lớn các tư liệu dân tộc học cho thấy, hướng mộ có liên quan

đến nơi sinh ra tổ tiên, hoặc là liên quan đến con đường di cư, di dân của tổ tiên. Nó biểu thị nơi mà người chết luôn hướng về hoặc là nơi mà linh hồn muốn trở lại” (Thái Luân Thi, 2010).

4. Tuy nhiên, không như các bản vẽ hồ sơ di tích hiện hành ở Đồng Nai, mặt các mộ Trịnh gia có độ lệch về Tây khác nhau; từ độ lệch 10° (M9), đến 20° (M2, M3, M8a-b), 25° (M7a-b), 30° (M5, M6) và 50° (M4). Riêng mộ lớn nhất của Đại học sĩ Trịnh Hoài Đức và chánh thất phu nhân họ Lê có độ lệch Tây riêng -37°. Điều này hẳn còn liên hệ đến vị thế đón quan tinh, lộc tinh, đón cát tránh hung cần phân giải kỹ hơn. Nếu lấy ngôi mộ của ông bà Đại học sĩ Trịnh Hoài Đức làm trung tâm, thì tổng thể kiến trúc các ngôi mộ được phân bố như sau: Tuyến trung tâm: mộ M1a-b (Trịnh Hoài Đức và phu nhân họ Lê). Tuyến Tây Bắc: gồm các mộ M2 và M3 (Thứ phu nhân họ Nguyễn). Tuyến Đông Nam: gồm các mộ M4 (Trịnh phủ quân thụ Hồi), M5 (Trịnh Xử sĩ), M6 (Thứ thất họ Trần), M7a-b (Lãnh Công bộ Lang trung thụ Đoan Lượng và Trương cung nhân), M8a-b (Phu quân và Đoan cung Hoàng phu nhân) và M9. Sự phân bố này cũng biểu thị một trật tự họ tộc cần có trong nghĩa trang chung dòng họ, kiến tạo xung quanh ngôi Tổ mộ từ gần đến xa, từ trên xuống dưới, từ lớn đến nhỏ liên quan đến các quan hệ thúc bá huynh đệ, các chi sau mộ chủ còn cần thêm tư liệu gia phả Trịnh gia đối chiếu.

5. Ngoài 9 mộ Trịnh gia trong quy hoạch hiện biết, ở ngoại vi Biên Hùng, chúng tôi còn ghi nhận còn 2 mộ hợp chất cổ (thuộc khu phố 2 và khu phố 3,

Phường Trung Dũng) rất có khả năng cùng chung dòng tộc này (mặt mộ đều hướng Nam lệch Tây 20-30°). Riêng ngôi mộ Biên Hùng cách mộ song táng ông bà Trịnh Hoài Đức khoảng 50m về phía Nam đã bị đào mất dương phần, được khai quật bóc nốt bề mặt hợp chất (vôi, cát, mật mía, ít than hoạt tính) quy mô 5x6m = 30m<sup>2</sup> với kim tĩnh sâu 50cm quy mô 220x120cm nằm hướng Bắc - Nam, chỉ còn ít tóc trắng, than tro và 2 miếng kim loại tròn (d=2,5-3cm). Ở quanh mộ còn thấy 1 tiền đồng hình bàn tay khắc chữ Hán: 大嘉寶 (*Đại Gia bảo*). Theo nhà khai quật Đỗ Đình Truật, đây có thể là dạng “mộ yếm” bảo vệ khu lăng mộ Trịnh Hoài Đức ở phía nam (?) (Nguyễn Hồng Ân, 2000).

6. Hiện nay (2013), toàn bộ quần thể đã xếp hạng “Di tích lịch sử Quốc gia: mộ Trịnh Hoài Đức” đa phần bị lấn chiếm khuôn viên, một số di sản thậm chí còn nằm ngay trong nhà và vườn dân phường Trung Dũng, với nhiều hạng mục kiến trúc bị hủy hoại nhiều. Đặc biệt, nhiều mộ chí trong Lăng Ông còn nguyên thủy chưa bị sơn vẽ làm mới như ở nhiều quần thể lăng tẩm Nam Bộ khác (Thoại Ngọc Hầu, Mạc Cửu v.v...) chính là nguồn sử liệu hiếm quý cần bảo vệ khẩn cấp vì có bia mộ đã bị gỡ mất, một số bị bào mòn chỉ còn sót vài Hán tự trên nền đá xưa. Trước tình trạng vi phạm Luật Di sản văn hóa hiện hành ở Lăng Ông, chúng tôi trân trọng kiến nghị Ủy ban Nhân dân, Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch, Ban Quản lý Di tích & Danh thắng tỉnh Đồng Nai cấp thiết phê duyệt để triển khai dự án quy hoạch tôn tạo “Di tích lịch sử Quốc gia: mộ Trịnh Hoài Đức” nhằm tri ân một bậc “Tiên

hiền” đức độ và tài năng, người đã viết *Gia Định thành thông chí* với tư cách là một người Việt Nam nói về một đất nước đã gắn bó máu thịt với ông, chứ không phải với tư cách là một người gốc Hoa nói về đất nước mà ông cha ông đã đến ngụ cư. Tư tưởng yêu nước ấy của Trịnh Hoài Đức được thể hiện sâu sắc qua từng chương, từng phần của tác phẩm, khi ông nói về cảnh cũng như về người của đất nước ta. Đó là một tình cảm tự hào chân chính về đất nước, về dân tộc” (Đình Xuân Lâm, 1994).

**P.Đ.M - N.C.T**

**TÀI LIỆU DẪN**

Ban quản lý di tích Đồng Nai, Quyết định Bộ VH-TT số 1539/QĐ, Hà Nội ngày 27/12/1990 xếp hạng Di tích Lịch sử mộ Trịnh Hoài Đức, khu phố 3, phường Trung Dũng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai - Hồ sơ di tích năm 2000.

Đình Xuân Lâm: “Trịnh Hoài Đức với *Gia Định thành thông chí* - Một hiện tượng hội nhập văn hóa Việt - Hoa tiêu biểu”, *Nghiên cứu Lịch sử*, số 6 (277):8-11. 1994.

Thái Luân Thị: *Mộ táng phong thủy toàn thư* (Huy Cổ dịch), Nxb. Thời đại, H. 2010.

Nguyễn Hồng Ân: Biên Hòa - Đồng Nai cần bảo tồn di sản Mộ hợp chất - [www.nguoivietvienxu.vietnamnet](http://www.nguoivietvienxu.vietnamnet.vn), vn2000.

Phạm Đức Mạnh: “Mộ hợp chất ở Gia Định và Nam Bộ xưa”. *Nam Bộ, Đất & Người*, tập I:158-187, Nxb. Trẻ Tp. Hồ Chí Minh, 2001.

Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam liệt truyện*, bản dịch Viện Sử học, tập 2:207-215, Nxb. Thuận Hóa, Huế 2005.

Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông trí* (bản dịch Tu Trai Nguyễn Tạo). Nha Văn hóa, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách xuất bản, Sài Gòn 1972./.